

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÝ 1 NĂM 2014

PHẦN I- LÃI, LỖ

ĐVT : đồng (VND)

Chỉ tiêu	Mã số	QUÝ I	Lũy kế từ đầu năm
1	2	4	5
TỔNG DOANH THU	01	429.245.745.283	429.245.745.283
Trong đó: *DT phối thổi (14.782.900kg)		170.965.631.000	170.965.631.000
*DTSP thép:- số lượng : (kg)		20.018.502	20.018.502
- Thành tiền		256.988.175.197	256.988.175.197
Các khoản giảm trừ (03=04+05+06+07)	03	0	0
- Hàng bán bị trả lại	06	0	0
Doanh thu thuần	10	429.245.745.283	429.245.745.283
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01 - 03)		0	0
2. Giá vốn hàng bán	11	416.162.011.736	416.162.011.736
Trong đó SP thép		247.690.504.413	247.690.504.413
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10 - 11)	20	13.083.733.547	13.083.733.547
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	674.517.012	674.517.012
5. Chi phí tài chính	22	5.871.316.647	5.871.316.647
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23	5.808.138.763	5.808.138.763
6. Chi phí bán hàng	24	3.564.550.273	3.564.550.273
- Trong đó : Chi phí Cty phân bổ		0	0
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.791.214.283	5.791.214.283
- Trong đó : Chi phí Cty phân bổ		0	0
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30= 20+ (21-22)-(24+25)]	30	-1.468.830.644	-1.468.830.644
9. Thu nhập khác	31	0	0
10. Chi phí khác	32	0	0
11. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40	0	0
12. Tổng lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50	-1.468.830.644	-1.468.830.644
13. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	51	0	0
14. Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51)	60	-1.468.830.644	-1.468.830.644

LẬP BIỂU

TP.KTTC

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Kha

Dương minh Chính

Hoàng ngọc Oanh